

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 670/2018/DS-ST

Ngày: 28-5-2018

V/v Tranh chấp đòi tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Kim Dung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thanh Mai
2. Ông Nguyễn Tất Năm

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Tâm Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 99/2014/TLST- DS ngày 01 tháng 4 năm 2014 về việc “Tranh chấp đòi tài sản”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1662/2018/QĐST-DS ngày 12 tháng 4 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Chung Nhị H**; cư trú tại: Đường B, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Phạm Ngọc A**; cư trú tại: Đường I, phường G, Quận K, Thành phố Hồ Chí Minh. (Văn bản ủy quyền ngày 16 tháng 5 năm 2014)

- *Bị đơn:* Bà **Chung Nhiếp N**; cư trú tại: Đường B, Phường D, Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Chung Nhiếp C**.
 2. Ông **Chung Nhiếp S**.
- Cùng cư trú tại: USA.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2013 của nguyên đơn ông Chung Nhị H và quá trình giải quyết vụ án ông Phạm Ngọc A là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2006, ông Chung Nhị H được mẹ là bà Quảng Thị P1 cùng các anh chị em là bà Chung Nghiệp C, ông Chung Nghiệp S, bà Chung Nghiệp N mua cho căn nhà số Đường R, Phường X, Quận V, TP.Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, do tại thời điểm đó giữa ông H và vợ có bất hòa nên gia đình thống nhất không để ông H đứng tên trên giấy tờ sở hữu căn nhà mà để cho bà N đứng tên hộ. Đến năm 2009 bà N đã tự ý bán căn nhà trên mà không hỏi ý kiến của ông H. Sau khi bị ông H phát hiện, vào ngày 05/02/2013 bà N đã lập văn bản với nội dung: “đồng ý chuyển giao căn nhà số Đường B, Phường D, Quận E mà bà N đang là chủ sở hữu cho ông H, đồng thời có nhiệm vụ trả thêm cho ông H số tiền 220.000.000 đồng. Thời gian thực hiện vào ngày 25/02/2013”. Tại Giấy bàn giao sở hữu này có chữ ký xác nhận của bà N và ông H. Tuy nhiên, quá thời hạn bàn giao mà bà N không thực hiện. Hiện nay, bà N cũng đã bán căn nhà số Đường B, Phường D, Quận E cho người khác.

Nay, ông H khởi kiện yêu cầu bà N phải trả cho ông số tiền 220.000.000 đồng như đã cam kết, ông không yêu cầu và không tranh chấp với bà H về việc phải chuyển giao quyền sở hữu căn nhà số Đường B, Phường D, Quận E.

- Tại các bản tự khai, biên bản hòa giải, bị đơn bà Chung Nghiệp N trình bày:

Bà không đồng ý với những lời trình bày của ông H. Căn nhà số Đường R, Phường X, Quận V, TP.Hồ Chí Minh là do bà tự bỏ tiền mua, không có sự việc gia đình mua cho ông H và bà chỉ là người đứng tên hộ. Bà có cho gia đình ông H vào ở nhờ tại căn nhà trên. Sau đó bà đã bán căn nhà trên để trả nợ.

Bà xác nhận có ký tên vào Giấy bàn giao sở hữu ngày 05/02/2013 trong đó có nội dung bà có nhiệm vụ giao cho ông H số tiền 220.000.000 đồng. Tuy nhiên, khi ký tên, bà đã không đọc kỹ phần nội dung, bà chỉ nghĩ khi nào bà có số tiền trên thì sẽ cho ông H mà thôi. Do đó bà không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành Phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn sơ thẩm:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ theo quy định; gửi các Quyết định, Thông báo cho Viện kiểm sát cùng cấp, đương sự đầy đủ, đúng thời hạn. Hội đồng xét xử đúng thành phần, phiên tòa diễn ra theo đúng trình tự và quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà N phải trả cho ông H số tiền 220.000.000 đồng theo đúng như thỏa thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 22/02/2013 ông Chung Nhị H khởi kiện yêu cầu bà Chung Nghiệp N phải có trách nhiệm giao trả cho ông số tiền 220.000.000 đồng theo cam kết được xác lập giữa ông và bà N, trong vụ án có người có quyền lợi, nghĩa vụ ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại khoản 3 Điều 25, khoản 1, khoản 3 Điều 33 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 3 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Đây là tranh chấp về đòi lại tài sản nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện, Tòa án vẫn thụ lý giải quyết theo thủ tục chung.

Tòa án đã tiến hành ủy thác tư pháp để tổng đạt thông báo thụ lý, lấy lời khai và thông báo thời gian xét xử cho bà Chung Nghiệp C, ông Chung Nghiệp S. Theo Công văn số 5570/BTP-PLQT ngày 17/11/2015 của Bộ Tư pháp thì “Bộ Tư pháp đã nhận được Công văn số 2894/CV-LS-QHLS ngày 05/10/2015 của Cục Lãnh sự và Biên bản xác nhận của Tổng lãnh sự quán Việt Nam tại F, Hoa Kỳ thông báo đã gửi thông báo cho đương sự Chung Nghiệp C, ông Chung Nghiệp S và niêm yết thông báo tại trụ sở Tổng lãnh sự quán 30 ngày nhưng đương sự không trả lời hoặc không đến Tổng lãnh sự quán nhận hồ sơ hoặc cung cấp lời khai”. Căn cứ vào các Điều 416, 417, 418 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và khoản 5 Điều 477 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bà C, ông S.

Bị đơn là bà Chung Nghiệp N đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm Ngọc A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

Căn cứ theo Đơn xin xác nhận ngày 27/02/2013 của bà Quảng Thị P1 là mẹ ruột của bà Chung Nghiệp N và ông Chung Nhị H (bà P1 đã mất ngày 03/6/2015) thì “vào năm 2006 gia đình bà có thống nhất căn nhà số 190/26B Sư Vạn Hạnh, Phường 9, Quận 5 để lại cho bà N và mua căn nhà số Đường R, Phường X, Quận V cho ông H; bà N đứng tên tạm cho ông H. Nhưng sau đó vào ngày 05/02/2013 bà N đã âm thầm bán nhà cho bà Nào”. Tại Giấy bàn giao sở hữu ngày 05/02/2013, bà N và ông H đã có ký tên thỏa thuận “bà N đồng ý chuyển giao sở hữu căn nhà số Đường B, Phường D, Quận E cho ông H và bà còn có trách nhiệm hoàn trả số tiền 220.000.000 đồng cho ông H”. Tại bản khai ngày 05/4/2013, các biên bản hòa giải ngày 01/7/2013, ngày 23/8/2013 tại Tòa án, bà N cũng thừa nhận sự việc bà có ký tên cam kết sẽ giao cho ông H số tiền 220.000.000 đồng. Như vậy, có đủ cơ sở để xác định: vào ngày 05/02/2013, bà N đã cam kết sẽ trả cho ông H số tiền 220.000.000 đồng - có nguồn gốc từ số

tiền bà đã bán căn nhà số Đường R cho bà Nguyễn Thị N1. Hiện nay ông H không yêu cầu bà N phải chuyển giao sở hữu căn nhà số Đường B, Phường D, Quận E cho ông mà chỉ yêu cầu được nhận lại số tiền mà bà N đã cam kết trả. Yêu cầu này của ông H là hợp lý và đúng theo thỏa thuận giữa hai bên, do đó Hội đồng xét xử buộc bà N phải có trách nhiệm trả cho ông H số tiền 220.000.000 đồng theo quy định tại Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005. Việc bà N cho rằng khi ký tên vào Giấy thỏa thuận bà đã không đọc kỹ và chỉ nghĩ khi nào có tiền thì mới cho ông H là không hợp lý, không có cơ sở chấp nhận.

Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là 11.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 25, khoản 1, khoản 3 Điều 33, Điều 416, 417, 418 của Bộ luật Tố tụng Dân sự đã sửa đổi, bổ sung năm 2011 và khoản 3 Điều 26; khoản 1, khoản 3 Điều 35, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 5 Điều 477, 479 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 290 của Bộ luật Dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Chung Nhị H có ông Phạm Ngọc A đại diện theo ủy quyền.

Buộc bà Chung Nghiệp N có trách nhiệm trả cho ông Chung Nhị H số tiền 220.000.000 đồng (Hai trăm hai mươi triệu đồng) theo Giấy thỏa thuận bàn giao sở hữu ngày 05 tháng 02 năm 2013.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của ông H cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Chung Nghiệp N phải chịu số tiền 11.000.000 (Mười một triệu) đồng.

Ông Chung Nhị H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 (Năm triệu năm trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 01932 ngày 15/3/2013 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận E, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Bà N vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Bà C, ông S vắng mặt

tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

4. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- Viện kiểm sát nhân dân TP.HCM;
- Cục Thi hành dân sự Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận E;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Kim Dung